TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỮU LŨNG** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 02 - 2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Phương Trinh.

2. Ông Hoàng Văn Thưởng.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2023, về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Tạ Thị Bích N, sinh năm 2002; cư trú tại: Thôn G, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lý Văn P, sinh năm 1996; cư trú tại: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Tạ Thị Bích N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị Bích N và Lý Văn P kết hôn từ năm 2021, có được tìm hiểu yêu thương nhau trong một thời gian ngắn, anh chị đã tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, không bị ép buộc, lừa dối. Sau khi kết hôn chị N anh P chung sống không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, cả hai anh chị còn quá trẻ, tính cách lại khác biệt nên không tìm thấy tiếng nói chung, anh chị đã sống ly thân ngay sau khi kết hôn, vợ chồng không còn liên lạc, quan tâm nhau. Nay chị N xác định không còn tình cảm với anh P, chị xin được ly hôn với anh.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Tạ Thị Bích N vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, chị vẫn giữ nguyên các nội dung như đã khai tại Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lý Văn P vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần. Do không thể thỏa thuận, giải quyết được nội dung vụ án nên Tòa án đã tiến hành các thủ tục theo trình tự tố tụng và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát có quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền, đúng mối quan hệ pháp luật; việc thu thập chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án đúng trình tự và đầy đủ; việc tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về tố tụng; nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị Tạ Thị Bích N về việc ly hôn với anh Lý Văn P.

- Về con chung: Không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ chị Tạ Thị Bích N và anh Lý Văn P, chị N vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt, anh P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Việc vắng mặt của chị N, anh P không gây ảnh hưởng cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Chị Tạ Thị Bích N có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân nên xác định quan hệ pháp luật của vụ án là ly hôn. Bị đơn anh Lý Văn P có địa chỉ cư trú tại thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Toà án thu thập có đủ cơ sở để khẳng định: Năm 2021, chị Tạ Thị Bích N và anh Lý Văn P về chung sống với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, anh chị có đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Sau khi kết hôn, theo chị N trình bày do còn quá trẻ nên chị và anh P thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống nên chị và anh P đã sống ly thân ngay sau khi kết hôn, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Qua kết quả xác minh tại nhà anh Lý Văn P, bố đẻ anh P là ông Lý Văn H cho biết anh P và chị N đã ly thân từ tháng 01/2022, nguyên nhân do chị N có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, vợ chồng hòa thuận, tin tưởng, thương yêu nhau. Tuy nhiên, tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh P không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xử cho chị N được ly hôn với anh P là có căn cứ. Vì vậy, Toà án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tạ Thị Bích N, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Tạ Thị Bích N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị Tạ Thị Bích N và anh Lý Văn P được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tạ Thị Bích N - Xử cho nguyên đơn chị Tạ Thị Bích N được ly hôn với bị đơn anh Lý Văn P.

2. Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Tạ Thị Bích N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận chị N đã nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004664, ngày 19 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- UBND xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Tuyết